

Số: /BC-UBND

Hải An, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm học 2025 - 2026

I. THÔNG TIN CHUNG

- Đơn vị báo cáo: UBND phường Hải An, thành phố Hải Phòng
- Cán bộ đầu mối phụ trách: Trịnh Thị Diễm - Chức vụ: Chuyên viên Phòng Văn hoá - Xã hội - SĐT: 0969.978.293

II. KHÁI QUÁT TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

a) Công tác triển khai các văn bản chỉ đạo về ứng dụng CNTT, chuyển đổi số:

- Kế hoạch số 7462/KH-SGDĐT ngày 08/10/2025 của Sở Giáo dục và đào tạo về việc thực hiện nhiệm vụ Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số và thống kê giáo dục gắn với triển khai Đề án 06 năm học 2025-2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hải Phòng;

- Kế hoạch số 639/KH-SGDĐT ngày 04/02/2026 của Sở Giáo dục và đào tạo về việc Chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo thành phố Hải Phòng năm 2026;

- Kế hoạch số 1020/KH-SGDĐT ngày 24/02/2026 của Sở Giáo dục và đào tạo về việc triển khai đánh giá mức độ chuyển đổi số cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên năm học 2025-2026;

- Công văn số 4620/SGDĐT-GDTEX,GDNN&ĐH ngày 11/7/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc tăng cường công tác quản lý trong công tác bảo vệ dữ liệu cá nhân và an toàn thông tin mạng liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục

- Công văn số 6101/SGDĐT-VP ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố về việc tăng cường đảm bảo an toàn, an ninh mạng tại các cơ sở giáo dục

b) Việc ban hành kế hoạch, tổ chức thực hiện:

- Công văn số 2101/UBND -VHXH ngày 06/5/2026 của Ủy ban nhân dân phường về việc hướng dẫn triển khai một số nội dung về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Kế hoạch số 182/KH-UBND ngày 29/4/2026 của Ủy ban nhân dân phường Hải An về việc tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nhằm thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

- Công văn số 1610/UBND - VHXH ngày 06/4/2026 về việc triển khai Phong trào “Bình dân học vụ số” đối với ngành Giáo dục và đào tạo thành phố Hải Phòng năm 2026

- Chỉ đạo Phòng văn hoá - Xã hội phường: tham mưu kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 23/02/2026 về việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị và đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia năm 2026.

2. Chuyển đổi số trong công tác quản lý, quản trị và thống kê giáo dục

a) Cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành:

- Đạt tỷ lệ 100% học sinh và cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được cập nhật dữ liệu định danh chính xác trên trục CSDL quốc gia.

- Dữ liệu được làm sạch, đồng bộ hoàn toàn với CSDL quốc gia về dân cư, phục vụ hiệu quả cho công tác thống kê và quản lý giáo dục.

b) Phần mềm quản lý trường học:

- Duy trì khai thác hiệu quả hệ thống phần mềm quản lý thông tin nhà trường (VNEDU/SMAS), 100% các trường thực hiện tuyển sinh đầu cấp (Mầm non, Lớp 1, Lớp 6) bằng hình thức trực tuyến.

- Có một số trường trên địa bàn phường đã tích hợp thành công giải pháp điểm danh thông minh bằng khuôn mặt (FaceID) và giọng nói cho học sinh, giúp tối ưu hóa công tác quản lý sĩ số trực quan, giảm tải áp lực cho giáo viên chủ nhiệm.

c) Thanh toán không dùng tiền mặt:

- Các cơ sở giáo dục phối hợp với các tổ chức tín dụng, ngân hàng triển khai quét mã QR, ví điện tử để thu học phí và các khoản dịch vụ giáo dục.

- Không phát sinh giao dịch tiền mặt trực tiếp tại các nhà trường, đảm bảo tính công khai, minh bạch tài chính.

d) Học bạ số:

- Phối hợp chặt chẽ với đơn vị cung cấp giải pháp công nghệ (Công ty Quảng Ích) thực hiện đồng bộ học bạ số toàn diện cho tất cả các khối lớp.

- Hồ sơ học tập được lưu trữ trực tuyến an toàn trên môi trường mạng, có giá trị pháp lý tương đương học bạ giấy, hỗ trợ tối đa việc rút ngắn thời gian xử lý thủ tục hành chính khi học sinh chuyển trường.

đ) Chữ ký số:

100% cán bộ quản lý và giáo viên tại các trường đã được cấp và sử dụng thành thạo chữ ký số cá nhân để phê duyệt giáo án điện tử, ký số học bạ và ban hành các văn bản hành chính.

e) An toàn thông tin, an ninh mạng và bảo vệ dữ liệu cá nhân:

- Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn cho toàn thể cán bộ, giáo viên kỹ năng bảo mật tài khoản cá nhân trên môi trường số, quản lý chặt chẽ dữ liệu cá nhân của học sinh trên hệ thống CSDL ngành.

- Định kỳ kiểm tra các thiết bị lưu trữ đầu cuối và tuyệt đối bảo mật thông tin định danh cá nhân của học sinh/phụ huynh trên môi trường internet, đảm bảo không xảy ra sự cố lộ lọt dữ liệu.

3. Chuyển đổi số trong công tác dạy và học

a) Học liệu số:

- Đã xây dựng và đưa vào vận hành Kho học liệu số dùng chung cấp cơ sở đạt chuẩn chất lượng giáo dục.

- Xây dựng kho học liệu dùng chung với tổng: 3256 học liệu bao gồm bài giảng điện tử E-learning, video thí nghiệm ảo và ngân hàng câu hỏi trắc nghiệm đạt chuẩn. Toàn bộ dữ liệu được lưu trữ trực tuyến, cung cấp đường liên kết (link) truy cập thông suốt để giáo viên chủ động tra cứu, cập nhật và ứng dụng trực tiếp vào bài giảng hàng ngày.

b) LMS & Thư viện số:

- *Hệ thống quản lý học tập (LMS)*: 04/04 trường THCS duy trì vận hành hiệu quả ổn định. Hỗ trợ giáo viên trong việc số hóa quy trình giao bài tập về nhà, tổ chức các kỳ kiểm tra đánh giá trực tuyến và theo dõi tiến độ tự học của học sinh. 05/05 trường Tiểu học đã ban hành Quy chế dạy học trực tuyến, tuy nhiên hệ thống hạ tầng quản lý học tập trực tuyến (LMS) của đơn vị chưa đồng bộ, chủ yếu khai thác phần mềm ở mức hỗ trợ giảng dạy, chưa thực hiện được đầy đủ chức năng tổ chức kiểm tra và đánh giá thường xuyên định kỳ trên máy tính.

- *Hệ thống Thư viện số*: có 04/14 trường (TH Cát Bi, TH Thành Tô, THCS Đằng Lâm, THCS Trảng Cát) có thư viện số. Bằng việc tích hợp phần mềm quản lý trực tuyến và số hóa kho tài liệu (sách giáo khoa, tài liệu tham khảo), hệ thống tối ưu hóa trải nghiệm đọc toàn văn và tra cứu từ xa cho giáo viên lẫn học sinh. Đây là bước đi chiến lược nhằm chuyển đổi không gian lưu trữ truyền thống sang môi trường số linh hoạt.

c) Năng lực số:

- **100%** giáo viên toàn phường hoàn thành chương trình tập huấn và được cấp chứng chỉ năng lực số cơ bản theo quy định.

- Các trường đã đăng ký cho cán bộ quản lý và giáo viên tham gia bồi dưỡng kỹ năng số chuyên sâu cho giáo viên. Tập trung vào kỹ năng thiết kế bài giảng tương tác, xử lý dữ liệu và sử dụng các công cụ sư phạm hiện đại.

d) Ứng dụng AI:

- *Trong công tác chuyên môn*: Giáo viên chủ động sử dụng các công cụ AI để hỗ trợ soạn thảo, cá nhân hóa kế hoạch bài dạy (giáo án) phù hợp với từng đối tượng học sinh; khai thác AI để phân tích dữ liệu điểm số, kết quả học tập nhằm đưa ra giải pháp bồi dưỡng học sinh giỏi, phụ đạo học sinh yếu kịp thời.

- *Trong xây dựng tư liệu giảng dạy*: Ứng dụng AI sáng tạo để sản xuất các video ngắn, file âm thanh bài nói, các đoạn nhạc minh họa trực quan, giúp tăng tính hấp dẫn và nâng cao hiệu quả tương tác trong tiết học.

4. Công tác kiểm tra, giám sát

- Kiểm tra định kỳ hàng tháng đối với tất cả các cơ sở giáo dục. Nội dung giám sát tập trung vào: tiến độ cập nhật điểm số trên CSDL ngành; tính chính xác khi cập nhật thông tin cán bộ, giáo viên trên phần mềm Misa.

- Qua kiểm tra kịp thời phát hiện, hỗ trợ các cơ sở giáo dục về nhập dữ liệu CSDL ngành, an toàn thông tin và việc vận hành học bạ số tại tất cả các trường học trên địa bàn.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện (hướng dẫn điền)	Ghi chú/Khó khăn
1	Chuyển đổi số trong dạy, học và kiểm tra, đánh giá			
1.1.1	Tổng số cơ sở giáo dục	CSGD	14	
1.1.2	Trong đó: Cơ sở giáo dục khai thác phần mềm quản lý học tập (LMS) trong hoạt động dạy học	CSGD	10	
1.2.1	Phòng/lớp học thông minh đã triển khai	Phòng/lớp	8	

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện (hướng dẫn điền)	Ghi chú/Khó khăn
1.2.2	Phòng/lớp học sử dụng bảng tương tác	Phòng/lớp	8	
1.2.3	Cơ sở giáo dục triển khai LMS/dạy học trực tuyến	CSGD	10	
1.2.4	Cơ sở giáo dục triển khai ứng dụng AI trong dạy học	CSGD	14	
1.2.5	Cơ sở giáo dục triển khai mô hình STEM/STEAM có ứng dụng CNTT	CSGD	14	
1.2.6	Mô hình khác (nếu có)	Mô tả	- Tích hợp các môn học: 02. - Dạy học trực tuyến bằng phần mềm OLM: 1	
1.3.1	Tổng số giáo viên	Người	1033	
1.3.2	Trong đó: Giáo viên được tập huấn kỹ năng ứng dụng AI và năng lực số	Người	1033	
1.4	Cơ sở giáo dục thực hiện đánh giá định kỳ trên máy tính	CSGD	11	
1.5	Học liệu số dùng chung được xây dựng mới trong năm học	Học liệu	2431	
2	Quản trị nhà trường và cơ sở dữ liệu (CSDL) ngành			
2.1	Cơ sở giáo dục triển khai phần mềm quản trị trường học kết nối với CSDL ngành	CSGD	61	
2.2.1	Tổng số người học	Người	1033	
2.2.2	Trong đó: Người học được định danh và quản lý bằng hồ sơ số	Người	1033	
2.2.3	Tổng số nhà giáo	Người	1033	
2.2.4	Trong đó: Nhà giáo được định danh và quản lý bằng hồ sơ số	Người	1033	
2.3.1	Tổng số cơ sở vật chất, thiết bị thuộc phạm vi quản lý	Thiết bị/CSVC	844	
2.3.2	Trong đó: Cơ sở vật chất, thiết bị được quản lý bằng hồ sơ số	Thiết bị/CSVC	486	

STT	Nội dung nhiệm vụ/Chỉ tiêu đánh giá	Đơn vị tính	Kết quả thực hiện (hướng dẫn điền)	Ghi chú/Khó khăn
2.4.1	Tổng số học sinh thuộc đối tượng triển khai học bạ số	Người	17309	
2.4.2	Trong đó: Số học bạ số đã tạo lập	Học bạ	17309	
2.5.1	Tổng số cán bộ quản lý, giáo viên	Người	1033	
2.5.2	Trong đó: Số cán bộ quản lý, giáo viên có chữ ký số	Người	1033	
3	Dịch vụ công trực tuyến và thanh toán không dùng tiền mặt			
3.1	Cơ sở giáo dục triển khai dịch vụ trực tuyến về đăng ký, xét tuyển học sinh	CSGD	61	
3.2	Cơ sở giáo dục thực hiện thanh toán học phí không dùng tiền mặt	CSGD	61	
3.3	Cơ sở giáo dục triển khai kết nối phần mềm quản lý học phí với nền tảng thanh toán trực tuyến	CSGD	61	
4	Hạ tầng, nhân lực và an toàn thông tin			
4.1	Cơ sở giáo dục có kết nối Internet băng thông rộng	CSGD	61	
4.2	Cơ sở giáo dục triển khai giải pháp bảo đảm an toàn môi trường giáo dục số	CSGD	61	
4.3	Cuộc rà soát an toàn, an ninh thông tin trong năm học	Cuộc	9	
4.4	Kết quả triển khai phong trào “Bình dân học vụ số”	Mô tả	Triển khai đầy đủ, đúng đối tượng, đạt kết quả tốt	

Nơi nhận:

- Sở GD&ĐT - VP;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Bùi Quang Ngân

